

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Định mức xây dựng, phân bổ dự toán và
quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh
sử dụng ngân sách nhà nước của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ khoản 1 Điều 3 Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 63./TTr-SKHCN ngày 02 tháng 6 năm 2017 về việc đề nghị phê duyệt Quyết định ban hành Định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 6 năm 2017 và thay thế Quyết định số 45/2008/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành định mức xây dựng và phân bổ dự toán kinh phí các đề tài, dự án khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách thực hiện trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Khoa học và Công nghệ; Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBTV Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh và các đoàn thể;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Sở Tư pháp (kiểm tra văn bản);
- Website Chính phủ;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh;
- Báo Bà Rịa - Vũng Tàu;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, SKHCN(2).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
 CHỦ TỊCH
 PHÓ CHỦ TỊCH



Đặng Minh Thông

ĐỊNH MỨC

**Xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với
nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước của
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 13 /2017/QĐ-UBND
ngày 08 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu)*

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Định mức này quy định các yếu tố đầu vào cấu thành dự toán nhiệm vụ khoa học và công nghệ (KH&CN) cấp tỉnh có sử dụng ngân sách nhà nước; định mức xây dựng dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ KH&CN; các hoạt động phục vụ công tác quản lý nhiệm vụ KH&CN của cơ quan có thẩm quyền; quy định về lập, thẩm định, phê duyệt và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ KH&CN; quy định chi công bố kết quả nghiên cứu và chi đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Định mức này được triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và áp dụng cho Sở Khoa học và Công nghệ, cơ quan đầu mối được giao thực hiện chức năng tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh trong quản lý và phê duyệt nội dung, kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước; các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng định mức xây dựng và phân bổ dự toán

1. Các định mức xây dựng dự toán theo Định mức này được áp dụng cho nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh.
2. Các định mức chi khác làm căn cứ lập dự toán của nhiệm vụ KH&CN không quy định cụ thể tại Định mức này được thực hiện theo các quy định hiện hành của nhà nước.

Điều 4. Các loại nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước

Các loại nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước được quy định tại các Điều 25, 26 và 27 Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ.

Điều 5. Các chức danh thực hiện nhiệm vụ KH&CN

1. Chủ nhiệm nhiệm vụ.
2. Thành viên thực hiện chính, thư ký khoa học.
3. Thành viên.
4. Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ.

Chương II NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 6. Các yếu tố đầu vào cấu thành dự toán nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước

1. Tiền công lao động trực tiếp, gồm: Tiền công cho các chức danh quy định tại Điều 5 Định mức này; tiền công thuê chuyên gia trong nước và chuyên gia ngoài nước phối hợp trong quá trình nghiên cứu và thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

2. Chi mua vật tư, nguyên, nhiên, vật liệu, gồm: Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, dụng cụ, phụ tùng, vật rẻ tiền mau hỏng, năng lượng, tài liệu, tư liệu, số liệu, sách, báo, tạp chí tham khảo, quyền sử dụng sáng chế, thiết kế, phần mềm, bí quyết công nghệ phục vụ hoạt động nghiên cứu.

3. Chi sửa chữa, mua sắm tài sản cố định:

a) Chi mua tài sản thiết yếu, phục vụ trực tiếp cho hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của nhiệm vụ KH&CN;

b) Chi thuê tài sản trực tiếp tham gia thực hiện nghiên cứu và phát triển công nghệ của nhiệm vụ KH&CN;

c) Chi khấu hao tài sản cố định (nếu có) trong thời gian trực tiếp tham gia thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo mức trích khấu hao quy định đối với tài sản của doanh nghiệp;

d) Chi sửa chữa trang thiết bị, cơ sở vật chất phục vụ trực tiếp cho việc nghiên cứu của nhiệm vụ KH&CN.

4. Chi hội thảo khoa học, chi công tác phí trong nước, chi đoàn ra, phục vụ hoạt động nghiên cứu.

5. Chi trả dịch vụ thuê ngoài phục vụ hoạt động nghiên cứu.

6. Chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu.
7. Chi văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, in ấn phục vụ hoạt động nghiên cứu.
8. Chi họp Hội đồng tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN.
9. Chi quản lý chung nhiệm vụ KH&CN nhằm bảo đảm yêu cầu quản lý trong triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN.
10. Chi khác có liên quan trực tiếp đến triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

Điều 7. Khung định mức làm căn cứ xây dựng dự toán nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước

1. Dự toán tiền công lao động trực tiếp

a) Cấu trúc thuyết minh phân tính tiền công lao động triển khai nhiệm vụ KH&CN bao gồm các công việc và dự kiến kết quả như sau:

Số TT	Nội dung công việc	Dự kiến kết quả
1	Nghiên cứu tổng quan	Xây dựng thuyết minh nhiệm vụ KH&CN, báo cáo tổng quan vấn đề cần nghiên cứu
2	Đánh giá thực trạng	Báo cáo thực trạng vấn đề cần nghiên cứu
3	Thu thập thông tin, tài liệu, dữ liệu; xử lý số liệu, phân tích thông tin, tài liệu, dữ liệu	Báo cáo kết quả thu thập tài liệu, dữ liệu, xử lý số liệu, phân tích thông tin, tài liệu, dữ liệu
4	Nội dung nghiên cứu chuyên môn	Báo cáo về kết quả nghiên cứu chuyên môn
5	Tiến hành thí nghiệm, thử nghiệm, thực nghiệm, khảo nghiệm, chế tạo, sản xuất; nghiên cứu, hoàn thiện quy trình công nghệ	Báo cáo về kết quả thí nghiệm, thử nghiệm, thực nghiệm, khảo nghiệm, chế tạo, sản xuất; quy trình công nghệ
6	Đề xuất giải pháp, kiến nghị, sáng chế, giải pháp hữu ích, sản phẩm, chế phẩm, mô hình, ấn phẩm khoa học và đề xuất khác	Báo cáo kết quả về kiến nghị, giải pháp, sáng chế, giải pháp hữu ích, sản phẩm, chế phẩm, mô hình, ấn phẩm khoa học và kết quả khác
7	Tổng kết, đánh giá	Báo cáo thống kê, báo cáo tóm tắt kết quả và báo cáo tổng hợp kết quả

Trong trường hợp cụ thể, nhiệm vụ KH&CN có thể không đầy đủ các phần nội dung theo cấu trúc trên.

b) Tiền công trực tiếp cho các chức danh thực hiện nhiệm vụ KH&CN được tính theo ngày công lao động quy đổi (08 giờ/01 ngày; trường hợp có số giờ công lẻ, trên 4 giờ được tính 1 ngày công, dưới 4 giờ được tính 1/2 ngày công) và mức lương cơ sở do nhà nước quy định tại thời điểm xây dựng dự toán.

Tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN có trách nhiệm xây dựng thuyết minh dự toán tiền công theo cấu trúc chung nhiệm vụ KH&CN tại điểm a khoản 1 Điều này, chi tiết theo từng chức danh tham gia thực hiện nội dung công việc, số ngày công tham gia của từng chức danh.

Dự toán tiền công trực tiếp đối với từng chức danh được tính theo công thức và định mức sau:

$$Tc = Lcs \times Snc \times Hsten$$

Trong đó:

Tc: Dự toán tiền công của chức danh

Lcs: Lương cơ sở do nhà nước quy định

Snc: Số ngày công của từng chức danh

Hsten: Hệ số tiền công ngày tính theo lương cơ sở của từng chức danh

Hệ số tiền công ngày cho các chức danh thực hiện nhiệm vụ KH&CN tính theo bảng dưới đây:

Số TT	Chức danh	Hệ số chức danh nghiên cứu (Hcd)	Hệ số lao động khoa học (Hkh)	Hệ số tiền công theo ngày $Hsten = (Hcd \times Hkh)/22$
1	Chủ nhiệm nhiệm vụ: - Giáo sư, phó giáo sư, tiến sỹ, thạc sỹ	6,92	2,5	0,79
	- Kỹ sư, cử nhân	5,76	2,5	0,65
2	Thành viên thực hiện chính; thư ký khoa học: - Giáo sư, phó giáo sư, tiến sỹ, thạc sỹ	5,42	2,0	0,49
	- Kỹ sư, cử nhân	4,68	2,0	0,43
3	Thành viên	3,66	1,5	0,25
4	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ	2,86	1,2	0,16

c) Dự toán tiền công trực tiếp đối với chức danh kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ không quá 20% tổng dự toán tiền công trực tiếp đối với các chức danh quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 5 Định mức này.

2. Thuê chuyên gia trong nước và ngoài nước phối hợp nghiên cứu

a) Thuê chuyên gia trong nước

Trong trường hợp nhiệm vụ KH&CN có nhu cầu thuê chuyên gia trong nước, tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia thực hiện thương thảo mức tiền thuê chuyên gia, thuyết minh rõ cho Hội đồng tư vấn đánh giá xem xét, trình Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ phê duyệt theo hợp đồng khoán việc. Trường hợp thuê chuyên gia trong nước theo ngày công thì mức dự toán thuê chuyên gia trong nước không quá 40.000.000 đồng/người/tháng (22 ngày/1 tháng).

Tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia trong nước không quá 30% tổng dự toán kinh phí chi tiền công trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN quy định tại khoản 1 Điều 7 Định mức này.

Trong trường hợp đặc biệt, nhiệm vụ KH&CN có dự toán thuê chuyên gia trong nước vượt quá 40.000.000 đồng/người/tháng hoặc tổng dự toán vượt quá 30% tổng dự toán kinh phí chi tiền công trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN quy định tại khoản 1 Điều 7 Định mức này; căn cứ kết quả đánh giá của Hội đồng tư vấn, Sở Khoa học và Công nghệ xem xét, tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

b) Thuê chuyên gia ngoài nước

Trong trường hợp nhiệm vụ KH&CN có nhu cầu thuê chuyên gia ngoài nước, tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia thực hiện thương thảo mức tiền thuê chuyên gia, thuyết minh rõ kết quả của việc thuê chuyên gia, tiêu chí đánh giá kết quả thuê chuyên gia cho Hội đồng tư vấn đánh giá xem xét. Kết quả đánh giá của Hội đồng tư vấn là cơ sở để Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

3. Dự toán chi phí mua vật tư, nguyên, nhiên, vật liệu được xây dựng trên cơ sở thuyết minh dự kiến khối lượng công việc, chế độ, định mức hiện hành (nếu có) và các báo giá liên quan.

4. Dự toán chi sửa chữa, mua sắm tài sản cố định được xây dựng trên cơ sở thuyết minh dự kiến khối lượng công việc, chế độ, định mức hiện hành (nếu có) và các báo giá liên quan. Nội dung chi này có mục tiêu, nội dung gắn kết hữu cơ, đồng bộ và được tiến hành trong một thời gian nhất định phù hợp với tiến độ của nhiệm vụ KH&CN; được quản lý theo quy định hiện hành về sửa chữa, mua sắm tài sản hình thành có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước.

5. Dự toán chi hội thảo khoa học và chi đoàn ra phục vụ hoạt động nghiên cứu

a) Nội dung và định mức chi hội thảo khoa học phục vụ hoạt động nghiên cứu được xây dựng và thực hiện theo các quy định hiện hành. Ngoài ra, căn cứ xây dựng dự toán chi thù lao hội thảo khoa học được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9 Định mức này;

b) Trong trường hợp nhiệm vụ KH&CN có nhu cầu đoàn ra phục vụ hoạt động nghiên cứu, tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN căn cứ nội dung, tính chất công việc, xây dựng kế hoạch đoàn ra và thuyết minh rõ mục đích, yêu cầu, dự kiến kết quả đạt được cho Hội đồng tư vấn đánh giá xem xét. Kết quả đánh giá của Hội đồng tư vấn là cơ sở để Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt nội dung kế hoạch đoàn ra.

6. Dự toán chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, tổng điều tra thống kê quốc gia.

7. Dự toán chi họp Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN: Được xây dựng trên cơ sở số lượng thành viên Hội đồng với mức chi bằng 50% mức chi Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu chính thức nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9 Định mức này.

8. Dự toán chi quản lý chung nhiệm vụ KH&CN

a) Tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước được dự toán các nội dung chi quản lý chung phục vụ nhiệm vụ KH&CN, bao gồm: Chi điện, nước, văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, in ấn tài liệu và kết quả báo cáo, các khoản chi hành chính phát sinh liên quan bảo đảm triển khai nhiệm vụ KH&CN tại tổ chức chủ trì; chi tiền lương, tiền công phân bổ đối với các hoạt động gián tiếp trong quá trình quản lý nhiệm vụ KH&CN của tổ chức chủ trì;

b) Dự toán kinh phí quản lý chung nhiệm vụ KH&CN tối đa 5% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước nhưng không vượt quá 150 triệu đồng.

9. Các khoản chi khác được vận dụng theo các quy định quản lý hiện hành của pháp luật.

Điều 8. Các nội dung chi quản lý nhiệm vụ KH&CN

1. Chi hoạt động của các Hội đồng tư vấn KH&CN

a) Chi tiền công thực hiện nhiệm vụ của thành viên các Hội đồng tư vấn KH&CN gồm: Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN; Hội đồng tư vấn

tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN; và Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN;

b) Chi công tác phí, chi phí đi lại, tiền ăn và lưu trú qua đêm cho các chuyên gia được mời tham gia công tác tư vấn;

c) Chi tiền công phục vụ họp Hội đồng;

d) Chi văn phòng phẩm, thông tin liên lạc phục vụ Hội đồng;

đ) Chi thuê dịch vụ KH&CN liên quan đến việc đánh giá của Hội đồng; thuê cơ sở vật chất phục vụ Hội đồng (nếu có).

2. Chi thuê chuyên gia tư vấn độc lập (nếu có).

3. Chi thông tin truyền thông về nhiệm vụ KH&CN.

4. Chi công tác kiểm tra, đánh giá (định kỳ hoặc đột xuất), đánh giá giữa kỳ (nếu có); kiểm tra, đánh giá sau khi giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, bao gồm:

a) Chi công tác phí cho Đoàn kiểm tra;

b) Chi họp Hội đồng tư vấn đánh giá giữa kỳ (trong trường hợp cần thiết);

c) Chi họp Hội đồng tư vấn điều chỉnh hợp đồng hoặc chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ (trong trường hợp cần thiết cần có Hội đồng tư vấn).

5. Chi hoạt động thẩm định nội dung, tài chính của nhiệm vụ

a) Chi tiền công thực hiện nhiệm vụ của thành viên Tổ thẩm định nội dung, tài chính của nhiệm vụ;

b) Chi công tác phí cho các chuyên gia được mời tham gia Tổ thẩm định nội dung, tài chính của nhiệm vụ;

c) Chi tiền công phục vụ họp, văn phòng phẩm, thông tin liên lạc phục vụ Tổ thẩm định nội dung, tài chính của nhiệm vụ.

6. Các khoản chi khác liên quan trực tiếp đến hoạt động quản lý nhiệm vụ KH&CN.

Điều 9. Một số định mức chi quản lý nhiệm vụ KH&CN

1. Định mức chi hoạt động của các Hội đồng tư vấn KH&CN; Tổ chuyên gia; Tổ thẩm định nội dung, kinh phí của nhiệm vụ; Đoàn kiểm tra đánh giá

a) Chi tiền công

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Số TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định mức
1	Chi tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN		
1.1	Chi họp Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN		
a	Chi thành viên Hội đồng dự họp	Hội đồng	
	- Chủ tịch Hội đồng		1.000
	- Phó Chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng; thư ký khoa học; thành viên tham dự thay thế (nếu có).		800
b	Chi nhận xét đánh giá nhiệm vụ	01 phiếu nhận xét đánh giá	
	- Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		300
	- Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		500
1.2	Chi công tác tổ chức, tham gia	Hội đồng	
	- Thư ký hành chính		300
	- Đại biểu được mời tham dự		120
2	Chi về tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN		
2.1	Chi họp Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN		
a	Chi thành viên Hội đồng dự họp	Hội đồng	
	- Chủ tịch Hội đồng		1.500
	- Phó Chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng; thư ký khoa học; thành viên tham dự thay thế (nếu có)		1.000
b	Chi nhận xét đánh giá nhiệm vụ	01 phiếu nhận xét đánh giá/ hồ sơ	
	- Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		500
	- Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		700
2.2	Chi công tác tổ chức, tham gia	Hội đồng	
	- Thư ký hành chính		300
	- Đại biểu được mời tham dự		120

3	Chi thẩm định nội dung, tài chính của nhiệm vụ KH&CN		
	- Tổ trưởng Tổ thẩm định	Nhiệm vụ	700
	- Thành viên Tổ thẩm định	Nhiệm vụ	500
	- Thư ký hành chính	Nhiệm vụ	300
4	Chi kiểm tra, đánh giá nhiệm vụ KH&CN		
	- Trưởng Đoàn kiểm tra	Nhiệm vụ	700
	- Phó Trưởng Đoàn kiểm tra, thành viên Đoàn kiểm tra	Nhiệm vụ	500
	- Thư ký hành chính	Nhiệm vụ	300
	- Đại biểu được mời tham dự	Nhiệm vụ	120
5	Chi Hội thảo khoa học		
	Người chủ trì	Buổi	1.500
	Thư ký hội thảo	Buổi	500
	Báo cáo tham luận được trình bày tại hội thảo (theo đặt hàng)	Tham luận	2.000
	Báo cáo tham luận không được trình bày tại hội thảo (theo đặt hàng)	Tham luận	1.000
	Đại biểu được mời tham dự	Buổi	120
6	Chi tư vấn đánh giá, nghiệm thu chính thức nhiệm vụ KH&CN		
6.1	Chi họp Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu chính thức		
a	Chi thành viên Hội đồng dự họp	Nhiệm vụ	
	- Chủ tịch Hội đồng		1.500
	- Phó Chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng; thư ký khoa học; thành viên tham dự thay thế (nếu có)		1.000
b	Chi nhận xét đánh giá nhiệm vụ	01 phiếu nhận xét đánh giá	
	- Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		500
	- Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		700
6.2	Chi công tác tổ chức, tham gia	Nhiệm vụ	
	- Thư ký hành chính		300
	- Đại biểu được mời tham dự		120

7	Chi tư vấn đánh giá giữa kỳ nhiệm vụ KH&CN		
7.1	Chi họp Hội đồng tư vấn đánh giá giữa kỳ		
a	Chi thành viên Hội đồng dự họp	Nhiệm vụ	
	- Chủ tịch Hội đồng		750
	- Phó Chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng; thư ký khoa học; thành viên tham dự thay thế (nếu có)		500
b	Chi nhận xét đánh giá nhiệm vụ	01 phiếu nhận xét đánh giá	
	- Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		250
	- Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		350
7.2	Chi công tác tổ chức, tham gia	Nhiệm vụ	
	- Thư ký hành chính		300
	- Đại biểu được mời tham dự		120
8	Chi tư vấn điều chỉnh hợp đồng hoặc chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ KH&CN		
8.1	Chi họp Hội đồng tư vấn		
a	Chi thành viên Hội đồng dự họp	Nhiệm vụ	
	- Chủ tịch Hội đồng		750
	- Phó Chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng; thư ký khoa học; thành viên tham dự thay thế (nếu có)		500
b	Chi nhận xét đánh giá nhiệm vụ	01 phiếu nhận xét đánh giá	
	- Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		250
	- Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		350
8.2	Chi công tác tổ chức, tham gia		
	- Thư ký hành chính		300
	- Đại biểu được mời tham dự		120

b) Các nội dung chi khác được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định hiện hành của pháp luật.

2. Định mức xây dựng dự toán chi thuê chuyên gia tư vấn độc lập

a) Trong trường hợp cần thiết (khi các Hội đồng tư vấn có ý kiến không thống nhất trong việc xem xét lựa chọn nhiệm vụ KH&CN hoặc Sở Khoa học và Công nghệ thấy cần thiết), Sở Khoa học và Công nghệ có thể thuê chuyên gia tư vấn, đánh giá độc lập;

b) Tổng mức dự toán chi thuê chuyên gia độc lập được tính tối đa bằng 2 lần mức chi tiền công (bao gồm chi tiền công hợp Hội đồng và chi nhận xét, đánh giá) của Chủ tịch Hội đồng tương ứng.

3. Chi thông tin truyền thông: Xây dựng dự toán trên cơ sở báo giá của các cơ quan truyền thông được lựa chọn đăng tin.

4. Dự toán chi công tác phí cho Đoàn kiểm tra, đánh giá; công tác phí cho chuyên gia Hội đồng tư vấn và công tác phí cho chuyên gia Tổ thẩm định nội dung, tài chính của nhiệm vụ

Dự toán chi công tác phí cho Đoàn kiểm tra, đánh giá; công tác phí cho chuyên gia Hội đồng tư vấn và công tác phí cho chuyên gia Tổ thẩm định nội dung, tài chính của nhiệm vụ được xây dựng theo quy định hiện hành về chế độ công tác phí áp dụng cho các cơ quan nhà nước.

Chương III **LẬP, THẨM TRA, PHÊ DUYỆT VÀ** **QUYẾT TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KH&CN**

Điều 10. Lập dự toán kinh phí đối với các hoạt động phục vụ công tác quản lý nhà nước của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các nhiệm vụ KH&CN

Hàng năm, vào thời điểm xây dựng dự toán chi ngân sách nhà nước theo quy định, căn cứ vào kế hoạch xác định, tuyển chọn, xét giao trực tiếp các nhiệm vụ KH&CN trong năm; kế hoạch kiểm tra, đánh giá giữa kỳ (nếu có); đánh giá, nghiệm thu đối với các nhiệm vụ KH&CN trong năm và định mức chi quy định tại Định mức này; Sở Khoa học và Công nghệ xây dựng dự toán kinh phí đối với các hoạt động phục vụ công tác quản lý nhà nước của nhiệm vụ KH&CN và tổng hợp vào dự toán chi sự nghiệp KH&CN của tỉnh, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Điều 11. Lập dự toán kinh phí của nhiệm vụ KH&CN

1. Căn cứ

a) Mục tiêu, yêu cầu, nội dung và khối lượng công việc nghiên cứu của nhiệm vụ KH&CN đã được Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ phê duyệt theo trình tự hướng dẫn tại Quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành;

b) Các định mức kinh tế - kỹ thuật do các bộ, ngành chức năng ban hành, định mức làm căn cứ xây dựng dự toán quy định tại Định mức này và các chế độ, chính sách hiện hành của nhà nước. Trường hợp không có định mức kinh tế - kỹ thuật thì cần thuyết minh cụ thể chi tiết căn cứ lập dự toán.

2. Yêu cầu

a) Dự toán kinh phí của nhiệm vụ KH&CN được xây dựng và thuyết minh theo từng nội dung nghiên cứu và gắn với các kết quả, sản phẩm cụ thể của nhiệm vụ KH&CN;

b) Tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ có trách nhiệm xây dựng dự toán trình Sở Khoa học và Công nghệ xem xét, phê duyệt nhiệm vụ KH&CN.

Điều 12. Thẩm định, phê duyệt kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN

1. Việc thẩm định dự toán kinh phí của nhiệm vụ KH&CN được thực hiện căn cứ kết quả phê duyệt nhiệm vụ KH&CN và theo đúng chế độ quy định.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ:

a) Quyết định thành lập Tổ thẩm định dự toán kinh phí của nhiệm vụ KH&CN;

b) Quyết định phê duyệt kinh phí thực hiện của nhiệm vụ KH&CN sau khi có ý kiến bằng văn bản của Sở Tài chính về kết quả thẩm định dự toán kinh phí của nhiệm vụ KH&CN.

3. Các trường hợp cần phải có ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh trước khi phê duyệt:

a) Các nội dung chi không có định mức kinh tế - kỹ thuật của các bộ, ngành chức năng ban hành;

b) Thuê chuyên gia trong nước vượt thẩm quyền được giao cho Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 7 Định mức này;

c) Thuê chuyên gia ngoài nước quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 Định mức này;

d) Chi đoàn ra phục vụ hoạt động nghiên cứu quy định tại điểm b khoản 5 Điều 7 Định mức này.

Điều 13. Quyết toán kinh phí nhiệm vụ KH&CN

Việc quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước được thực hiện theo các quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Khoa học và Công nghệ và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 14. Công bố kết quả nghiên cứu và chi đăng ký sáng chế, giải pháp hữu ích

Nội dung chi công bố kết quả nghiên cứu (đã được công bố) và chi đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ (đã được cấp bằng) được thanh toán trực tiếp tại Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ tỉnh theo quy định hiện hành.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Tổ chức thực hiện

1. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các sở, ban ngành, các tổ chức, cá nhân có liên quan hướng dẫn các thủ tục xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí.

2. Đối với các nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước thời điểm Định mức này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo các quy định hiện hành tại thời điểm phê duyệt.

3. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu tại Định mức này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản mới ban hành.

4. Trong quá trình thực hiện nếu có những vướng mắc hoặc vấn đề mới phát sinh, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Khoa học và Công nghệ để được nghiên cứu, tổng hợp và đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với thực tiễn và quy định của pháp luật hiện hành. / 

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

ỦY CHỦ TỊCH 

PHÓ CHỦ TỊCH



Đặng Minh Thông

